CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Sơn Đồng Nai

Ngày 28/06/2024	29,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.7%	**5.7%**	**11.4%**

DT thuần
Q2/24
29.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.50| 13.4%
YoY: ▲ 1.80| 6.4%

LN thuần
Q2/24
1.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.41| 30.2%
YoY: ▼0.39| -17.8%

LN sau thuế
Q2/24
2.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.32| 18.1%
YoY: ▼0.04| -2.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
9.8%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE (TTM)
Q2/24
25.8%
YoY: +/-▼ 0.9%

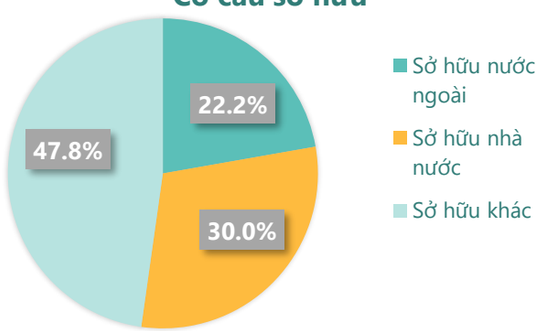
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,176 - 31,949
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	90
Số lượng CPLH (CP)	3,036,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225
Sở hữu nước ngoài	22.2%
Beta	0.29
EPS	5,354
P/E	5.6

DT thuần
6T 2024
55.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.80| 3.3%

LN thuần
6T 2024
3.15
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.37| -30.2%

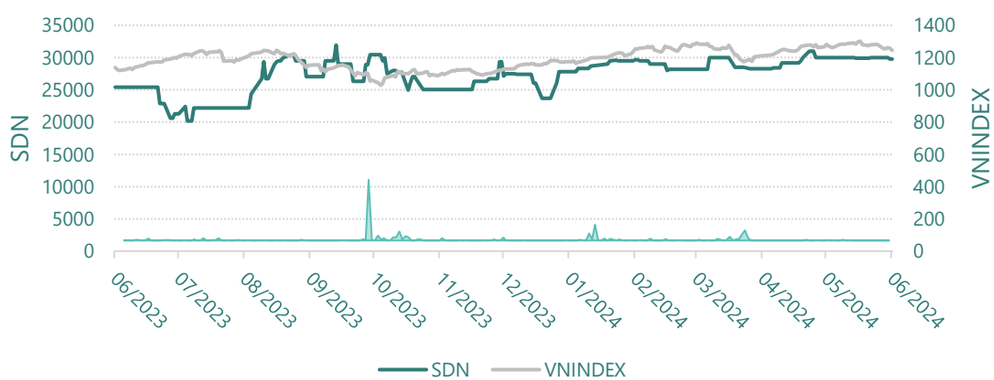
LN sau thuế
6T 2024
3.79
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.25| -6.0%

Cơ cấu sở hữu

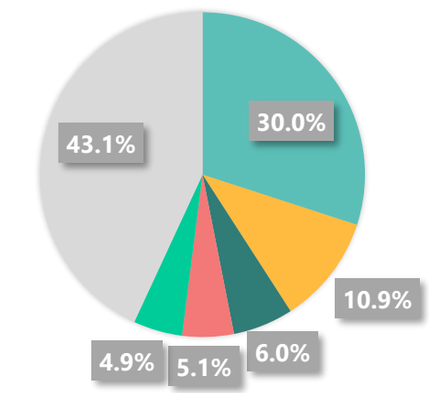


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

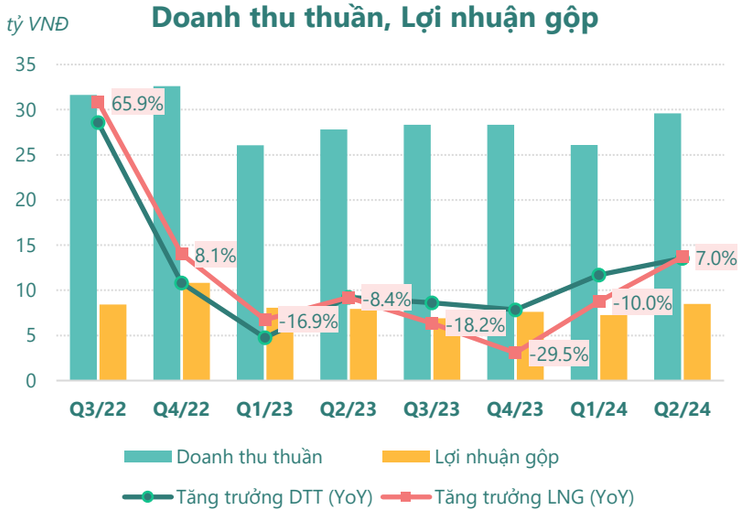


- Tổng CTCP Phát triển khu công nghiệp
- CTCP Xuất nhập khẩu Petrolimex
- Nguyễn Phú Thưởng
- Đào Đình Đề (Thành viên HĐQT)
- Liu Chien Hung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

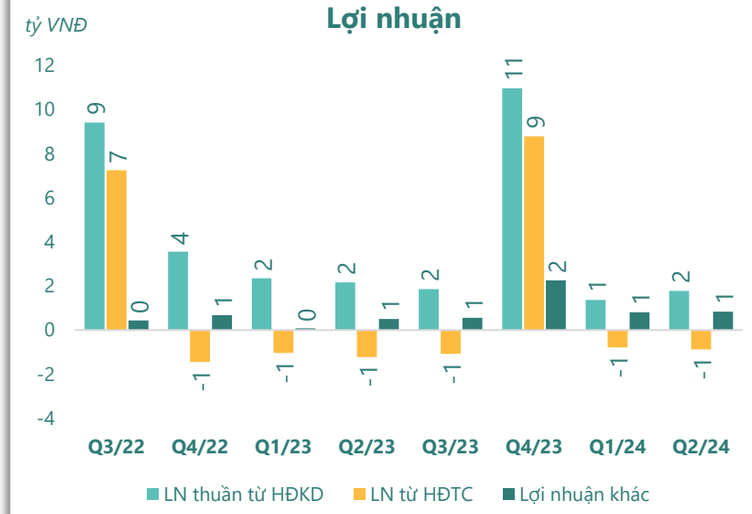
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



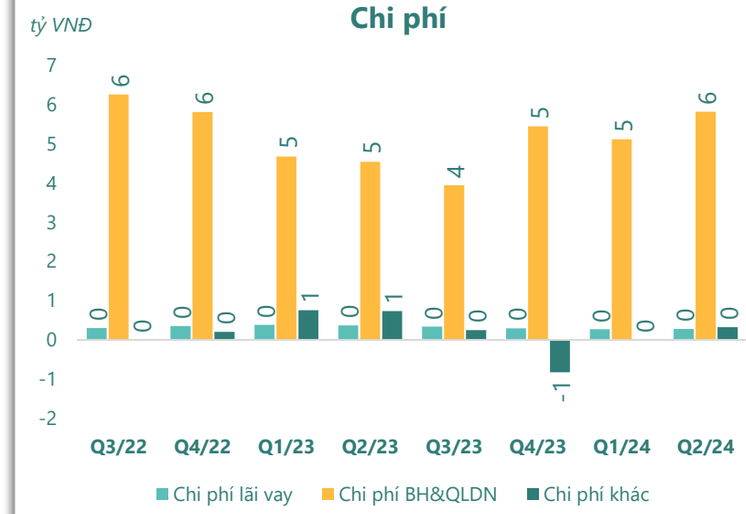
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



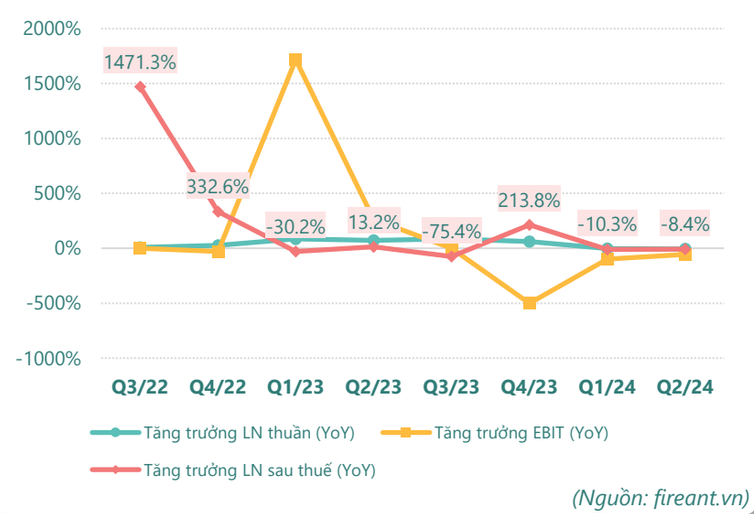
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



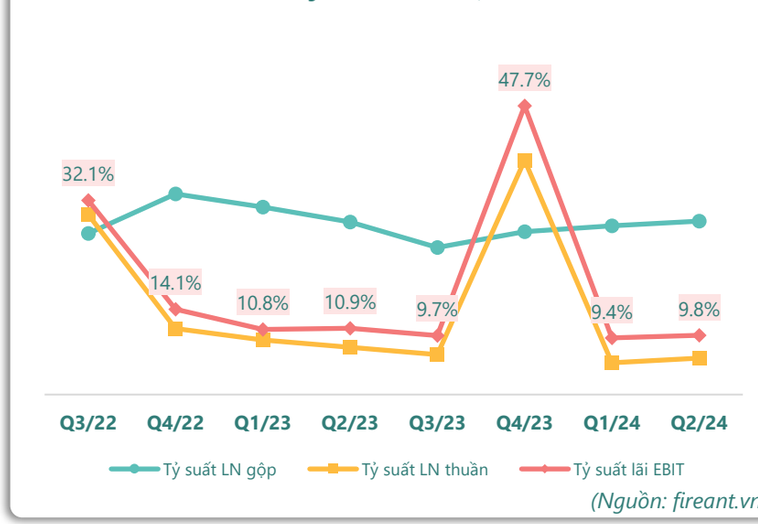
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



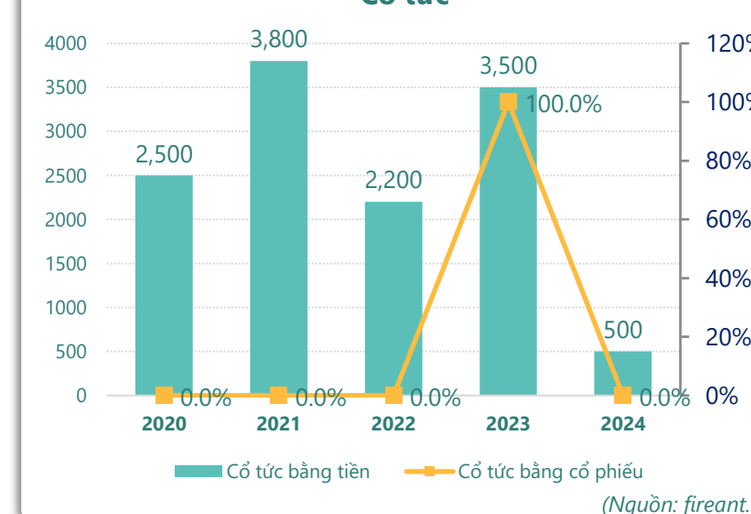
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

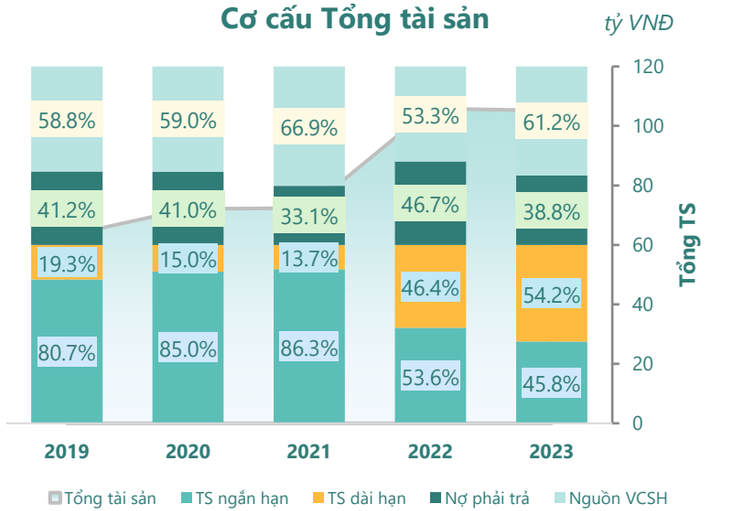
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

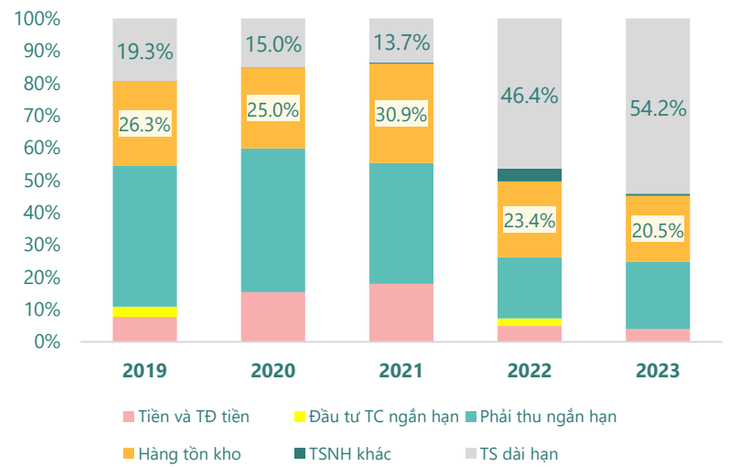
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



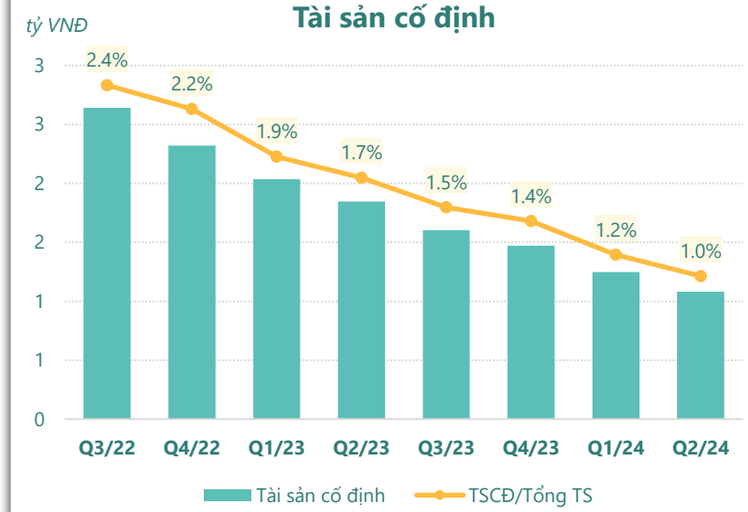
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



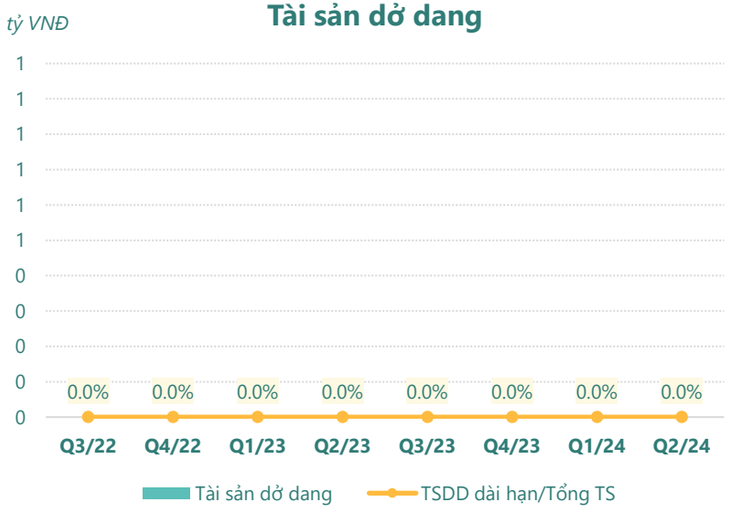
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



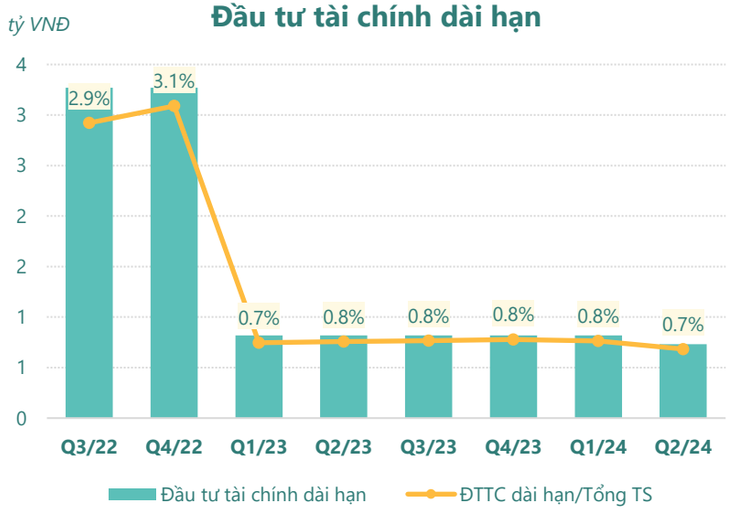
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



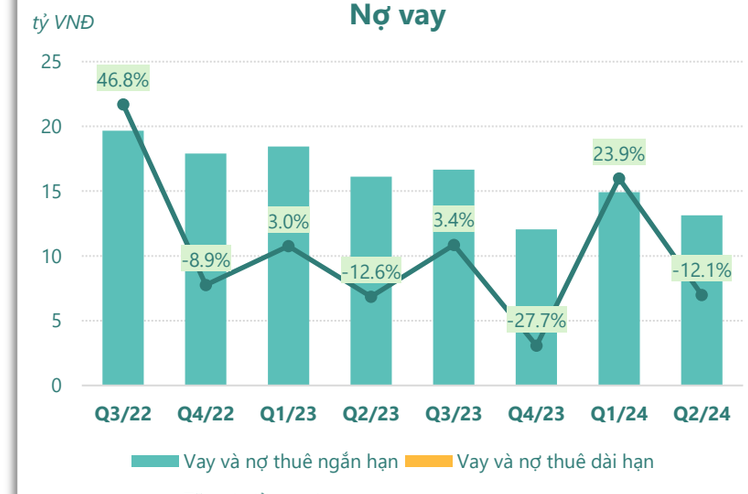
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

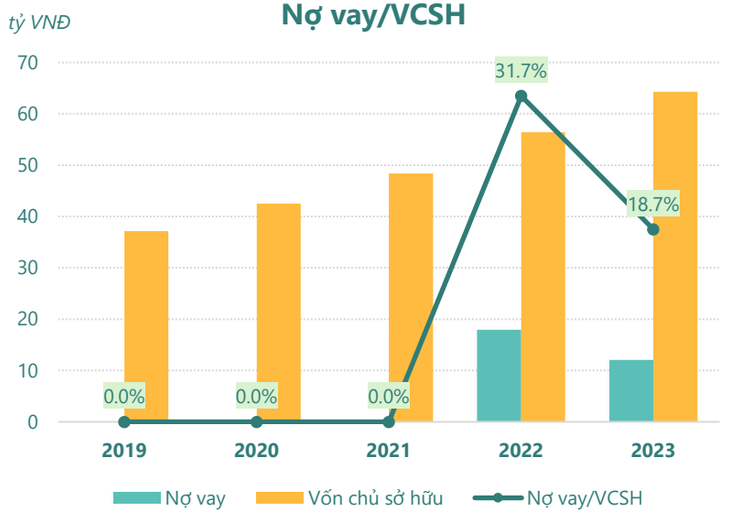
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

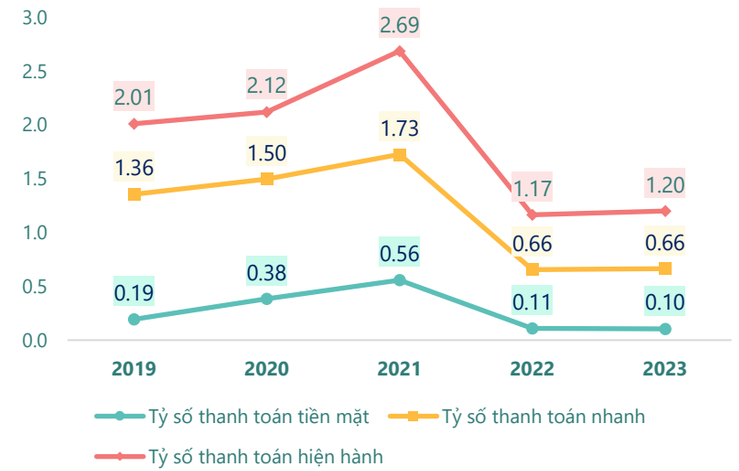
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



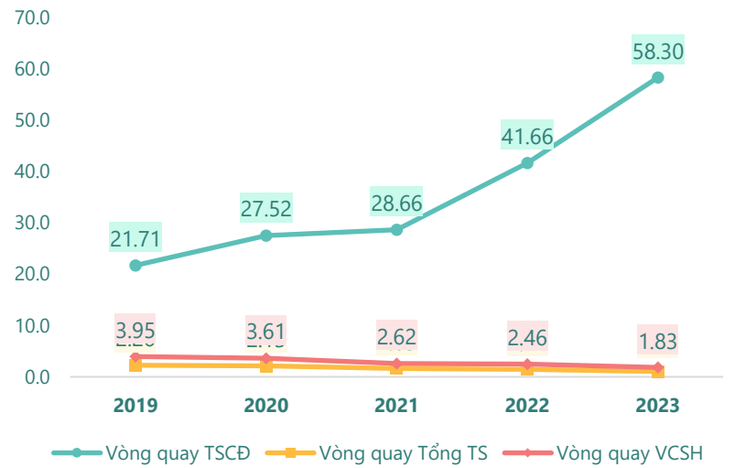
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



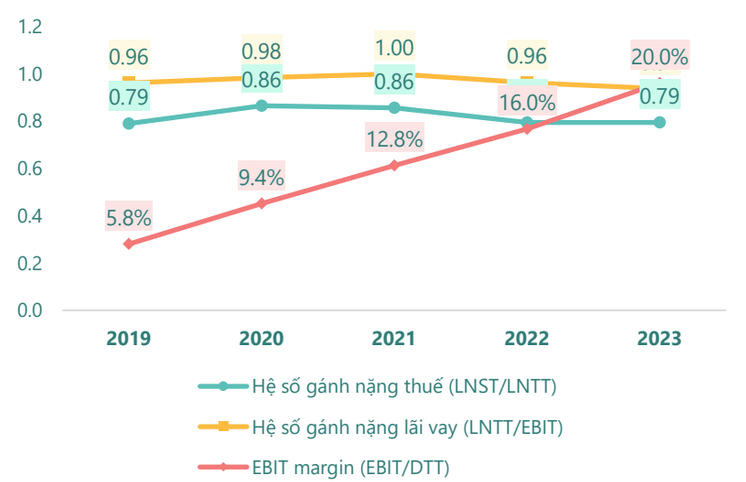
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



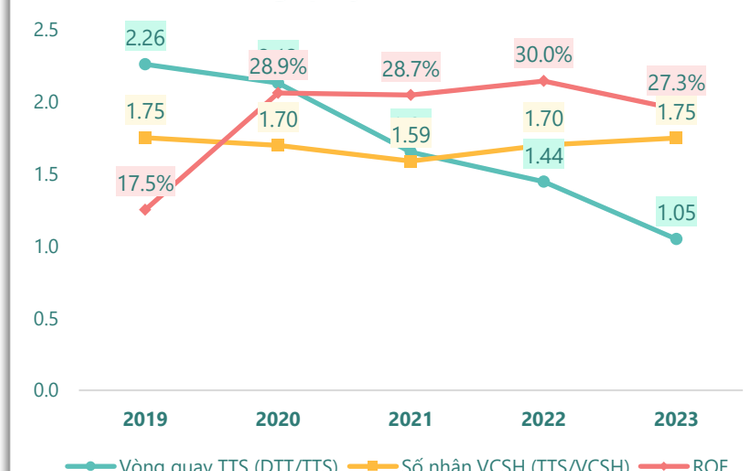
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



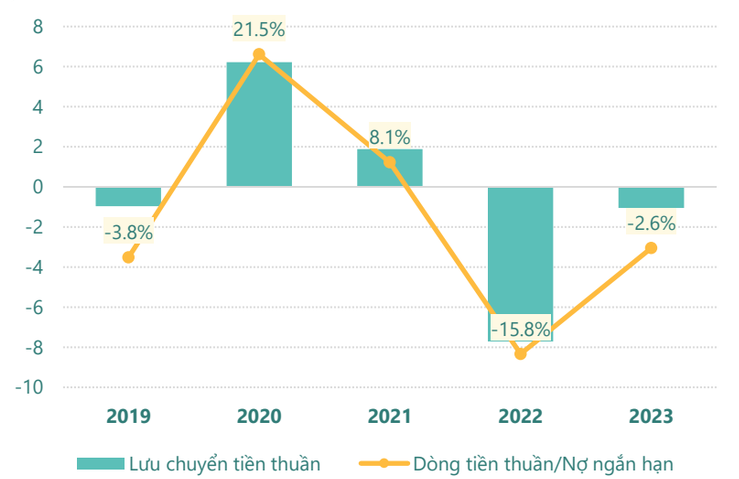
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**29.6**	**27.8**	**6.4%**	**55.7**	**53.9**	**3.3%**
Giá vốn hàng bán	21.1	19.9	6.0%	39.9	37.9	5.4%
Lợi nhuận gộp	8.49	7.93	7.0%	15.8	16.0	-1.5%
Doanh thu HĐTC	0.10	0.01	919%	0.10	0.01	641%
Chi phí TC	0.98	1.23	-20.3%	1.77	2.27	-22.3%
Chi phí lãi vay	0.28	0.37	-24.8%	0.55	0.76	-27.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.68	1.94	-13.5%	2.92	3.42	-14.7%
Chi phí QLDN	**4.15**	**2.61**	**58.9%**	**8.02**	**5.80**	**38.2%**
LN thuần từ HĐKD	1.78	2.17	-17.8%	3.15	4.52	-30.2%
Lợi nhuận khác	**0.83**	**0.50**	**66.2%**	**1.64**	**0.58**	**184%**
LN trước thuế	2.61	2.67	-2.1%	4.79	5.09	-6.0%
Lợi nhuận sau thuế	**2.06**	**2.10**	**-2.1%**	**3.79**	**4.04**	**-6.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.06**	**2.10**	**-2.1%**	**3.79**	**4.04**	**-6.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.32	3.89	3.98	-5.52	-2.62	4.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.05	0.02	10.1	0.00	-0.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.68	-2.33	-3.55	-4.62	1.36	-1.80
Tiền đầu kỳ	5.26	2.26	3.77	4.22	4.21	2.95
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.00**	**1.51**	**0.45**	**-0.01**	**-1.26**	**1.98**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.26	3.77	4.22	4.21	2.95	4.93

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**107**	**105**	**1.7%**
Tài sản ngắn hạn	53.7	48.2	11.5%
Tiền và tương đương tiền	4.93	4.21	17.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	27.9	21.7	28.3%
Hàng tồn kho	20.9	21.5	-2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.72	-100%
Tài sản dài hạn	**53.2**	**57.0**	**-6.6%**
Phải thu dài hạn	0	0.75	-100%
Tài sản cố định	1.08	1.47	-26.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.73	0.82	-10.8%
Tài sản dài hạn khác	**51.4**	**53.9**	**-4.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	40.3	40.9	-1.3%
Nợ ngắn hạn	**40.1**	**40.2**	**-0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.1	12.0	8.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.2	18.8	-19.3%
Nợ dài hạn	0.20	0.69	-70.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**66.6**	**64.3**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**66.6**	**64.3**	**3.5%**
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)